

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *10* /2018/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày *12* tháng *7* năm 2018



NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất
năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 45 dự án cần thu hồi đất năm 2018 với tổng diện tích 12.696.735 m² vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT NĂM 2018

theo Nghị quyết số /U 12018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)



| STT | Tên dự án | Diện tích thu hồi (m ²) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|--|--|----------------|
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (DN ươm vốn, vốn TW...) | | |
| I | Thị xã Đồng Xoài | 101.146 | | | 24.200 | 24.200 | 0 | 0 | | |
| I | Thao trường, bãi tập cho Trường Quân sự địa phương | 15.000 | CLN, ONT | xã Tân Thành | 9.200 | 9.200 | | | Nghị quyết số 657-NQ/ĐU ngày 12/01/2018 của Đảng ủy Quân sự tỉnh | |
| 2 | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Phước | 1.146 | CLN, ONT | phường Tân Thiện | 10.000 | 10.000 | | | Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 10/11/2018 của UBND tỉnh | |
| 3 | Các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 KCN Đồng Xoài I | 85.000 | CLN, ONT | xã Tân Thành | 5.000 | 5.000 | | | Công văn số 377/HĐND-KT ngày 01/12/2017 của Thường trực HĐND tỉnh | |
| II | Thị xã Bình Long | 1.000 | | | 3.050 | 3.050 | 0 | 0 | | |
| I | Xây dựng Trạm thu phí nhà điều hành BOT QL 13 | 1.000 | ONT, CLN, HNK | xã Thanh Lương | 3.050 | 3.050 | | | Quyết định 667/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh | |
| III | Huyện Lộc Ninh | 3.380.000 | | | 25.740 | 0 | 0 | 25.140 | | |
| I | Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới | 1.950.000 | CLN, RSX | huyện Lộc Ninh | 0 | | | | Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017 | Vốn trung ương |



| STT | Tên dự án | Diện tích thu hồi (m ²) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | | | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|--|--|
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...) | |
| 2 | Dự án khai thác mỏ đá với phục vụ dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Bình Phước | 1.430.000 | RSX | xã Lộc Thành | 25.740 | | | 25.740 | Doanh nghiệp ứng vốn |
| IV | Huyện Hớn Quản | 1.207.200 | | | 88.650 | 0 | 0 | 88.650 | |
| 1 | Thu hồi đất bổ sung Mỏ đá với Nhà máy xi măng Minh Tâm | 1.182.000 | CLN | xã Minh Tâm | 88.650 | | | 88.650 | Doanh nghiệp ứng vốn |
| 2 | Mở rộng đường giao thông nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới | 25.200 | DGT, CLN | xã Tân Khai | 0 | | | | UBND huyện vận động người dân hiến đất mở rộng đường giao thông hiện hữu |
| V | Huyện Chơn Thành | 4.584.700 | | | 320.000 | 320.000 | 0 | 0 | |



| STT | Tên dự án | Diện tích thu hồi (m ²) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------------------|----------------------|---|------------------------------------|---------------------|-----------------|--|---|---------|
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...) | | |
| 1 | Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa | 4.584.700 | CLN | xã Minh Thành, Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích | 320.000 | 320.000 | | | Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; Quyết định 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 | |
| VI | Huyện Bù Gia Mập | 1.280.919 | | | 18.057 | 2.350 | 15.207 | 500 | | |
| 1 | Trường Tiểu học Bình Thắng B | 8.000 | CLN | xã Bình Thắng | 200 | | 200 | | Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 | |
| 2 | Trường Tiểu học Hoàng Diệu | 10.000 | CLN | xã Phú Nghĩa | 300 | | 300 | | | |
| 3 | Điểm Trường MG Đức Hạnh (Bù Kroai) | 3.000 | CLN | xã Đức Hạnh | 100 | | 100 | | | |
| 4 | Chợ Đakia | 3.664 | CLN, ONT | xã Đa Kìa | 400 | | 400 | | | |
| 5 | Mở rộng chợ Phú Văn | 11.300 | CLN, ONT | xã Phú Văn | 1.300 | | 1.300 | | Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 | |
| 6 | Chợ Đak O | 12.548 | CLN, ONT | xã Đak O | 2.000 | | 2.000 | | | |
| 7 | Xây dựng 4 đường bê tông nông thôn | 4.200 | CLN | xã Đak O | 150 | | 150 | | | |
| 8 | Đường Đak Côn -Bù Rén | 13.560 | CLN | xã Bù Gia Mập | 400 | | 400 | | Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 | |
| 9 | Trụ sở UBND xã Bình Thắng | 320 | CLN, ONT | xã Bình Thắng | 144 | | 144 | | | |
| 10 | Đường N4 khu TTHC | 7.527 | CLN | xã Phú Nghĩa | 280 | | 280 | | Biên bản làm việc ngày 17/7/2017 | |
| 11 | Hồ Thủy lợi Bình Hà 2 | 80.000 | CLN | xã Đa Kìa | 2.000 | 2.000 | | | Quyết định số 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017 | |
| 12 | Khu căn cứ chiến đấu | 130.000 | CLN | xã Phú Nghĩa | 3.000 | | 3.000 | | Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2016 | |

| STT | Tên dự án | Diện tích thu hồi (m ²) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|------|--|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|--|--|----------------|
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...) | | |
| 13 | Khu căn cứ hậu cần | 300.000 | CLN | xã Phú Nghĩa | 6.200 | | 6.200 | | Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2017 | |
| 14 | Thao trường huấn luyện bắn súng | 644.000 | CLN | xã Đăk O | | | | | Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2018 | |
| 15 | Nhà văn hóa thôn Bình Tiến 2 | 2.500 | CLN | xã Phước Tiến | 100 | 100 | | | Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 | |
| 16 | Nhà văn hóa thôn 1 | 700 | CLN | xã Bình Thăng | 200 | 200 | | | | |
| 17 | Nhà văn hóa thôn 3 | 300 | CLN | xã Phú Văn | 50 | 50 | | | Biên bản làm việc ngày 17/7/2017 | |
| 18 | Trạm 110KV và đường dây đầu nối | 5.300 | CLN | xã Phú Văn | 133 | | 133 | | Biên bản số 01/BB-UBND ngày 04/4/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập | |
| 19 | Xây dựng đường dây tải điện từ thôn Bình Giai đến thôn Bình Tiến 2 xã Phước Minh | 24.000 | CLN | xã Phước Minh | 600 | | 600 | | Biên bản ngày 29/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 20 | Xây dựng đập thủy lợi nhỏ Khu dự án tại Tiểu khu 42 - Nông lâm trường Đăk Mai | 20.000 | CLN | xã Đăk O | 500 | | 500 | | | |
| VII | Huyện Bù Đốp | 2.050.000 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| I | Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới | 2.050.000 | CLN, RSX | huyện Bù Đốp | 0 | | | | Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017 | Vốn trung ương |
| VIII | Huyện Bù Đăng | 22.208 | | | 5.273 | 1.073 | 4.200 | 0 | | |
| I | Thu hồi đất bỏ sung Hồ chứa nước Sơn Lợi | 10.000 | CLN | xã Thọ Sơn | 423 | 423 | | | Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 | |
| 2 | Khu dân cư thương mại, dịch vụ Bom Bo | 830 | CLN | xã Bom Bo | 1.000 | | 1.000 | | Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 | |

| STT | Tên dự án | Diện tích thu hồi (m ²) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------------------------|----------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------|--|--|--|
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...) | | |
| 3 | Khu tái định cư thôn 3 Minh Hưng | 4.852 | ONT, CLN | xã Minh Hưng | 3.000 | | 3.000 | | Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 | |
| 4 | Tiểu dự án tái định cư khu vực Đa Bông Cua | 6.136 | CLN | xã Thống Nhất | 650 | 650 | | | Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 09/11/2009 | |
| 5 | Đường vào công Trường TH Bom Bo | 300 | CLN | xã Bom Bo | 200 | | 200 | | Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 | |
| 6 | Mở rộng trường mẫu giáo Thanh Bình | 90 | CLN | xã Đường 10 | | | | | Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 | |
| IX | Huyện Đồng Phú | 69.562 | | | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 1 | Mở rộng đường bên hông Công ty Kim Tin | 3.150 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 2 | Xây dựng đường giao thông từ nhà ông Phú đến đường Lạc Long Quân nối dài | 15.900 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 3 | Xây dựng đường Tôn Đức Thắng nối dài lên KCN Bắc Đồng Phú | 18.850 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 4 | Xây dựng đường tổ 27B nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Dò đến đường tổ 23 nối dài) | 4.500 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 5 | Xây dựng đường tổ 33 nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Dò đến Tôn Đức Thắng nối dài) | 4.000 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra thực địa các dự án và có biên bản làm việc với UBND huyện ngày 19/6/2018 | UBND huyện vận động người dân hiến đất để làm đường giao thông theo quy hoạch chung xây dựng của huyện |
| 6 | Xây dựng đường tổ 41 nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Dò đến Tôn Đức Thắng nối dài) | 4.300 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 7 | Xây dựng đường tổ 43 nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Dò đến Tôn Đức Thắng nối dài) | 4.700 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |

| STT | Tên dự án | Diện tích thu hồi (m ²) | Loại đất thu hồi (*) | Địa điểm thực hiện (đến cấp xã) | Số tiền để bồi thường (triệu đồng) | Nguồn vốn thực hiện | | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|--|---|-------------------------|--|---|---------------------|-----------------------|--|----------------|---------|
| | | | | | | Ngân sách tỉnh | Ngân sách huyện | Nguồn vốn khác (DN ươm vốn, vốn TW...) | | |
| 8 | Xây dựng đường số 2, TT. Tân Phú đến tổ 48, xã Tân Tiến (đổi diện đường Ngô Quyền) | 11.000 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 9 | Xây dựng đường Lạc Long Quân nối dài đến khu du lịch Sơn Hà | 3.162 | CLN | TT. Tân Phú | | | | | | |
| 45 | Tổng | 12.696.735 | | | 484.970 | 350.673 | 19.407 | 114.890 | | |

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

ONT: Đất ở tại nông thôn

ODT: Đất ở tại đô thị

DGT: Đất giao thông

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON: Đất sông suối và MNCD